

PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC KỸ THUẬT CHO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

ThS. ĐÀO THỊ THANH THỦY
Trung tâm Đào tạo nghề KTC Dung Quất

Để phát triển kinh tế, hầu hết các nước đã thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) đều khẳng định: Khu công nghiệp (KCN) là mô hình sản xuất có hiệu quả và mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho đất nước nhất; và trong tất cả các nguồn lực giúp cho các KCN phát triển thì nguồn lực con người đóng vai trò quan trọng nhất, trong đó nhân lực kỹ thuật là yếu tố quyết định.

1. Đặc trưng chung và vị trí, vai trò của các KCN Việt Nam

Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ định nghĩa KCN, khu chế xuất và khu kinh tế như sau: KCN, khu chế xuất và khu kinh tế đều do Chính phủ quyết định thành lập, có ranh giới địa lý xác định, là nơi tập trung các doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp; là nơi cần lực lượng lao động kỹ thuật hay nhân lực kỹ thuật với số lượng lớn, cơ cấu ngành nghề phù hợp, có tác phong công nghiệp và có tay nghề đáp ứng được nhu cầu phát triển của các doanh nghiệp trong KCN khi tham gia CNH, HĐH, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Điểm khác biệt giữa KCN, khu chế xuất và khu kinh tế là KCN và khu chế xuất không có dân cư sinh sống, còn khu kinh tế có nhiều khu chức năng, có các công trình hạ tầng kỹ thuật – xã hội, dịch vụ, tiện ích công cộng và có dân cư sinh sống.

1.1. Đặc trưng chung của các KCN Việt Nam

Sau 20 năm xây dựng và phát triển (1991 – 2010), đến nay, nước ta đã có 253 KCN, khu chế xuất; 15 khu kinh tế và 28 khu kinh tế cửa khẩu (*sau đây gọi chung KCN*) được thành lập ở 57 tỉnh, thành phố trong cả nước. Tất cả các KCN của Việt Nam đều có các đặc trưng sau:

(1) Tính tập trung: Tập trung trong một khu vực địa lý nhất định nhiều doanh nghiệp, nhiều ngành nghề, thu hút đầu tư lớn ở trong nước và ngoài nước;

(2) Tính hội nhập quốc tế cao, đủ khả năng thực hiện các dự án lớn, tập trung nhiều loại hình sản xuất và dịch vụ công nghiệp, có khối lượng sản phẩm lớn, có năng lực sản xuất lớn, ứng dụng nhiều công nghệ, đặc biệt là các công nghệ cao, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá có hàm lượng chất xám cao, có sức cạnh tranh lớn;

(3) Có trình độ tổ chức cao và phương thức quản lý tiên tiến.

1.2. Vị trí, vai trò của các KCN Việt Nam

Qua 20 năm hình thành và phát triển, các KCN của Việt Nam đã thể hiện vị trí và vai trò trong quá trình CNH, HĐH đất nước như sau:

(1) Tạo ra được những đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của từng vùng, miền, thúc đẩy các vùng nghèo, khó khăn phát triển, làm giảm thiểu chênh lệch giữa các vùng, miền trong cả nước;

(2) Các KCN có chức năng kinh tế tổng hợp phát huy có hiệu quả trong việc tập trung các nguồn lực để phát triển sản xuất, các KCN này thường gắn với sự hình thành các khu dân cư, khu đô thị mới, khu du lịch...nhờ đó sẽ dễ dàng trong việc thu hút đầu tư, tiếp nhận sự chuyển giao công nghệ từ các đối tác trực tiếp nước ngoài và các liên doanh;

(3) Sự hình thành các khu công nghệ cao sẽ giúp các nhà nghiên cứu khoa học có điều kiện triển khai các phát minh, sáng chế, thí nghiệm công nghệ...;

(4) Các KCN là nơi sử dụng nhân lực kỹ thuật nhiều nhất – đội ngũ không những có tính chất quyết định trong việc tạo ra sản phẩm cho xã hội trong tiến trình CNH, HĐH mà còn có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tạo ra thế và lực của vùng, miền và đất nước, hay nói cách khác đây chính là “đội quân dự bị” đang được tôi luyện trong “thời bình” và sẽ góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng đất nước;

(5) Các KCN phát triển có chất lượng sẽ là những “cú hích” rất tích cực trong việc “sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

2. Quá trình hình thành và phát triển các KCN vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

2.1. Vị trí, vai trò và đặc trưng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Hiện tại, cả nước có 4 vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ): Vùng KTTĐ Bắc Bộ, vùng KTTĐ phía Nam, vùng KTTĐ miền Trung và vùng KTTĐ Đồng bằng Sông Cửu Long.

Các vùng KTTĐ có vị trí và vai trò là động lực thúc đẩy phát triển KT-XH của cả khu vực, vùng

hoặc miền; góp phần quan trọng trong phát triển KT-XH, an ninh – quốc phòng của cả nước. Vùng KTTĐ miền Trung có 5 tỉnh, thành phố (Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định), là vùng đại diện cho cả khu vực miền Trung và Tây nguyên, là vùng lãnh thổ có tính chiến lược về an ninh, quốc phòng, là cầu nối vững chắc hai miền Nam, Bắc và cùng hai miền tạo nên một nước Việt Nam thống nhất có KT-XH phát triển bền vững, chính trị ổn định và có khả năng hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới.

Theo thống kê năm 2010, vùng KTTĐ miền Trung có 6.356.400 người, chiếm khoảng 7,6% dân số cả nước; diện tích của vùng là 27.979,3km², chiếm 8,4% diện tích toàn Việt Nam, bờ biển dài 609km trải dài từ Thừa Thiên - Huế đến Bình Định. Vùng KTTĐ miền Trung có 6 thành phố: Huế, Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ, Quảng Ngãi và Quy Nhơn.

2.2. Sơ lược về các KCN, khu kinh tế và khu công nghệ cao của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Với quyết tâm đưa KT-XH tại khu vực miền Trung nhanh chóng phát triển, Đảng và Chính phủ đã có Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2004 về phương hướng chủ yếu phát triển KT-XH vùng KTTĐ miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định thành lập các KCN tại các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế; các tỉnh, thành phố này được quy hoạch thành vùng KTTĐ miền Trung. Đến nay, vùng KTTĐ miền Trung đã có 4 khu kinh tế: Chân Mây-Lăng Cô (Thừa Thiên - Huế), Chu Lai (Quảng Nam), Dung Quất (Quảng Ngãi), Nhơn Hội (Bình Định); 22 KCN (Thừa Thiên Huế có 2, Đà Nẵng có 6, Quảng Nam có 7, Quảng Ngãi có 3 và Bình Định có 4) và 1 khu công nghệ cao tại Đà Nẵng.

Lúc này, bài toán về nhân lực kỹ thuật (NLKT) cho các KCN được toàn hệ thống chính trị tại 5 tỉnh, thành phố của vùng KTTĐ miền Trung quan tâm. Định hướng phát triển các KCN của các tỉnh, thành phố này thể hiện rất rõ trong Quy hoạch phát triển KT-XH của từng địa phương đã được Chính phủ phê duyệt, sơ lược như sau:

- Thừa Thiên-Huế và thành phố Đà Nẵng là các trung tâm thương mại, dịch vụ và có nhiều di sản văn hóa; vì thế, các KCN tập trung sản xuất chủ yếu các sản phẩm về dịch vụ, công nghiệp nhẹ, và là nơi có thể mạnh trong việc phát triển các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao...Do đó, các KCN tại đây chủ yếu cần lực lượng lao động

thuộc các lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin, dịch vụ thương mại...

- Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định là các tỉnh có nhiều nhà máy công nghiệp nặng, tập trung sản xuất các sản phẩm hóa dầu, hóa chất, luyện kim, cơ khí... Vì thế, cần tập trung đào tạo NLKT có tay nghề thuộc các lĩnh vực nói trên cho các KCN của các địa phương này.

3. NLKT và phát triển nhân lực kỹ thuật cho nhu cầu của các KCN vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Theo đánh giá của Bộ KH&ĐT, hằng năm, các KCN của cả nước tạo ra 40% giá trị sản xuất công nghiệp và hơn 60% giá trị xuất khẩu. Trong khi đó, vùng KTTĐ miền Trung (chủ yếu là đóng góp của các KCN trong vùng) có tỉ trọng đóng góp GDP tương đối thấp so với 3 vùng kinh tế trọng điểm trong cả nước. Nguyên nhân chủ yếu là do các nguồn lực tại vùng KTTĐ miền Trung chưa được khai thác một cách hiệu quả, nhất là nguồn lực con người – yếu tố quyết định thành công trong mọi lĩnh vực.

3.1. Quan niệm về NLKT cho các KCN

Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ - Viện KHXH Việt Nam định nghĩa: Nhân lực là sức người được dùng trong lao động sản xuất, dịch vụ xã hội... Và NLKT được phát triển bằng phương thức đào tạo lực lượng lao động (dân số trong độ tuổi lao động). Theo nhóm tác giả Đỗ Minh Cương và Mạc Văn Tiến: "NLKT hay lao động kỹ thuật là loại lao động được đào tạo, được cấp bằng hoặc chứng chỉ của các bậc đào tạo thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp – dạy nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân; đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và có kỹ năng hành nghề để thực hiện các công việc có độ phức tạp với các công nghệ khác nhau, phù hợp với ngành, nghề ở các trình độ khác nhau, trực tiếp tạo ra sản phẩm hàng hóa và dịch vụ phục vụ quốc kế dân sinh" [3]. Theo Nguyễn Minh Đường và Phan Văn Kha: "Lao động kỹ thuật là lao động qua đào tạo được cấp bằng hoặc chứng chỉ của các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất" [5].

Hầu hết các doanh nghiệp trong KCN đều áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến và phương tiện sản xuất hiện đại trong các nhà máy, xí nghiệp của mình, nhất là các doanh nghiệp có đầu tư hoặc liên doanh với nước ngoài và xuất khẩu sản phẩm ra thị trường thế giới. Chất lượng của sản phẩm luôn là yếu tố quyết định sự sống còn của doanh nghiệp. Khi chất lượng sản phẩm được yêu cầu cao thì chắc chắn chất lượng người làm ra sản

phẩm cũng được yêu cầu như thế. Lực lượng lao động làm ra sản phẩm được bàn đến ở đây chính là đội ngũ NLKT trong các KCN. Để các KCN phát triển, nhân tố quyết định hay đội ngũ NLKT phải đạt được các tiêu chí sau:

(1) NLKT phải có tay nghề đạt “chuẩn công nghiệp” để có thể thực hiện các nhiệm vụ sản xuất ở từng vị trí lao động theo quy trình công nghệ với phương tiện sản xuất đặc thù của từng nhà máy, xí nghiệp;

(2) Các KCN luôn cần đội ngũ NLKT đa ngành, đa nghề, đa lĩnh vực, đa cấp. Vì thế, để đáp ứng nhu cầu phát triển của các KCN, đội ngũ NLKT trong các KCN cần phải được đào tạo ở nhiều trình độ và ngành nghề khác nhau;

(3) Trong phương thức sản xuất hiện đại, các KCN luôn cần đội ngũ NLKT có tác phong công nghiệp cao. Nghĩa là người CNKT phải có tinh kỷ luật cao, có tinh thần trách nhiệm, ý thức làm việc tập thể, có kỹ năng hợp tác, tinh thần liên đới trách nhiệm để có thể cùng tham gia làm ra một sản phẩm của xí nghiệp;

(4) Công nghệ và phương tiện sản xuất của các doanh nghiệp trong các KCN thường xuyên được hiện đại hóa. Do vậy, NLKT phải được doanh nghiệp đào tạo tiếp tục, bổ sung.

3.2. Phát triển NLKT cho các KCN vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Để đào tạo được đội ngũ NLKT đáp ứng nhu cầu phát triển các KCN của cả vùng KTTĐ miền Trung, trước hết cần đổi mới công tác quản lý, thiết lập một bộ máy điều phối đào tạo và cung ứng NLKT cho cả vùng cũng như trong từng tỉnh để tránh hiện tượng đào tạo vừa thừa, vừa thiếu như hiện nay.

Đối với các cơ sở dạy nghề (CSDN), khi tham gia phát triển NLKT cho các KCN của địa phương việc cần thiết là phải nắm bắt được nhu cầu NLKT cả về số lượng lẫn chất lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ của từng doanh nghiệp trong KCN thì khi xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn công tác đào tạo NLKT của đơn vị mới thỏa mãn thị trường lao động của địa phương và quy luật cung – cầu NLKT tại địa bàn mà CSDN đang hoạt động.

Để hoàn thành “sứ mệnh” phát triển NLKT cho các KCN, các CSDN trong vùng KTTĐ miền Trung cần quan tâm đến những vấn đề sau đây:

(1) Mục tiêu và nội dung các chương trình đào tạo phải căn cứ vào chuẩn công nghiệp mà các doanh nghiệp đang áp dụng;

(2) Cần phải đào tạo NLKT ở nhiều trình độ và ngành nghề khác nhau;

(3) Phải đặc biệt quan tâm tới việc giáo dục thái độ lao động và đạo đức nghề nghiệp cho HS/SV vì các KCN là nơi “có trình độ tổ chức cao và phương thức quản lý tiên tiến”;

(4) Nội dung chương trình đào tạo NLKT cần được thường xuyên cải tiến để cập nhật các yêu cầu thay đổi công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN.

Tóm lại, kinh nghiệm các nước có thành tựu kinh tế xuất sắc cho thấy khi tiến hành CNH, HĐH các nước này đều luôn quan tâm đến việc phát triển các KCN và họ cho rằng NLKT là “chìa khóa quan trọng nhất” để tạo nên sự thành công của các KCN. Vì thế, để có những quyết sách đúng đắn trong chiến lược phát triển NLKT cho các KCN Việt Nam nói chung và vùng KTTĐ miền Trung nói riêng, các đặc trưng của từng KCN và của vùng KTTĐ miền Trung cũng như chiến lược phát triển KT-XH của từng địa phương trong vùng tại từng giai đoạn cụ thể phải luôn được tính đến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2003), *Tình hình hoạt động các khu công nghiệp, khu chế xuất và phương hướng phát triển trong thời gian tới*, Tài liệu báo cáo tại Hội nghị ngành Kế hoạch ngày 9-10/6/2003, Hà Nội.
2. Chính phủ (2008), *Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ ban hành Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế*, Hà Nội.
3. Đỗ Minh Cương, Mạc Văn Tiến (2004), *Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.
4. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

SUMMARY

The author presents some theoretical issues on development of technical manpower for the central key development region like role, position of this region in the country's modernization and industrialization.